TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 16-10-2019.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Ông Vương Văn Mum.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 402/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị T, sinh năm 1990; Có mặt.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Ấp P H, xã G B, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ tạm trú: Ấp B, xã A T, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Minh Q, sinh năm 1988; Có mặt.

Địa chỉ: Ấp P H, xã G B, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị và anh Q chung sống với nhau vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã G B. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với gia đình bên chồng tại ấp P H, xã G B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn

là do tính tình vợ chồng không còn phù hợp nên thường xuyên cãi nhau, anh Q không chịu đi làm mà thường xuyên đi chơi, không lo cho gia đình. Chị nhiều lần khuyên anh Q thay đổi để vợ chồng chung sống hạnh phúc lại nhưng anh Q vẫn không thay đổi. Tháng 4-2019, chị dẫn con về nhà mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân đến nay. Từ khi ly thân anh Q có năn nỉ chị xin đoàn tụ nhưng chị thấy anh Q vẫn không thay đổi được nên chị không đồng ý đoàn tụ cùng anh Q.

Nay chị yêu cầu ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Phạm Lê Nhật V, sinh ngày 13-12-2012 đang theo sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, bị đơn anh Phạm Minh Q trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn nhau là do anh làm ruộng, thu nhập không ổn định, không có tiền phụ chị T nên vợ chồng mâu thuẫn nhau. Anh có đi chơi với bạn bè nhưng chỉ đi những lúc rảnh rỗi. Từ khi ly thân, ngày nào anh cũng đến nhà mẹ vợ năn nỉ chị T quay về, xin lỗi chị T và mẹ vợ nhưng chị T vẫn không về, anh hứa sửa đổi sẽ không đi chơi nữa.

Nay anh yêu cầu được đoàn tụ cùng chị T vì anh còn tình cảm với chị T và muốn cho con một gia đình hạnh phúc.

Nếu Toà giải quyết cho vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng như sau:

Về con chung: Con theo ai thì người đó nuôi. Nếu con theo anh thì anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Nếu con theo chị T thì anh không cấp dưỡng nuôi con nhưng tuỳ theo khả năng có bao nhiêu thì anh cho con bấy nhiêu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T đối với anh Phạm Minh Q.

Về con chung: Giao cháu Phạm Lê Nhật V, sinh ngày 13-12-2012 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã G B nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và tự ly thân từ tháng 4-2019 đến nay. Chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q thường xuyên đi chơi không chịu đi làm lo cho gia đình. Anh Q cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh làm ruộng, thu nhập không ổn định, không có tiền phụ chị T nên vợ chồng mâu thuẫn nhau, anh chỉ đi chơi những lúc rãnh. Kết quả xác minh tại địa phương không thể hiện được giữa chị T và anh Q có mâu thuẫn gì nhưng việc anh Q thường đi chơi là có thật. Toà đã tiến hành hoà giải cho chị T và anh Q hai lần nhưng anh, chị vẫn không thể đoàn tụ được. Anh Q cũng không đưa ra được giải pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Từ những phân tích trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh Q theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị T và anh Q có một con chung tên Phạm Lê Nhật V, sinh ngày 13-12-2012. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, anh Q trình bày con theo ai thì người đó nuôi. Hiện nay cháu V vẫn chưa đủ 07 tuổi nên Toà án không tiến hành hỏi ý kiến cháu V. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị T và anh Q ly thân, chị T là người nuôi dưỡng cháu V, hiện cháu phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, cháu là nữ và còn nhỏ, cần được sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ nên Hội đồng xét xử giao cháu V cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Q không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5] Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Phạm Minh Q.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Lê Nhật V, sinh ngày 13-12-2012 cho chị Lê Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017247 ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ án phí.

5. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã G B;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Linh Ngọc